

## HIỆN TRẠNG CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT CÓ NGUY CƠ TUYỆT CHỦNG CẦN ƯU TIÊN BẢO VỆ TẠI VƯỜN QUỐC GIA KON KA KINH, GIA LAI

**ĐẶNG HUY PHƯƠNG, LÊ XUÂN CẢNH, HOÀNG VŨ TRƯ**

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,  
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

Vườn Quốc gia (VQG) Kon Ka Kinh có diện tích 41.780ha, nằm về phía Đông Bắc tỉnh Gia Lai, thuộc địa bàn của 5 xã Đăk Rông, Kon Pnê, Krông (huyện KBang); xã AJun (huyện Mang Yang) và xã Hà Đông (huyện Đăk Đoa). Gần đây đã phát hiện loài Khuướu kon ka kinh *Garrulax konkakinhensis* tại khu vực này. Một số loài thú như Mang lớn *Megamuntiacus vuquangensis*, Mang trường sơn *Muntiacus truongsonensis*, Voọc vá chân xám *Pygathrix nemaeus* cũng được ghi nhận thêm vùng phân bố của chúng ở vùng sinh cảnh Kon Ka Kinh. Chà vá chân xám *Pygathrix cinerea* là loài linh trưởng đặc hữu, quý hiếm của Việt Nam có tên trong danh sách 25 loài thú có nguy cơ bị tuyệt chủng cao nhất thế giới (IUCN, 2011). Theo Sách Đỏ Việt Nam (SĐVN) 2007, loài Chà vá chân xám được xếp bậc cực kỳ nguy cấp (CR). Số lượng cá thể trong tự nhiên chỉ còn khoảng 1000 con, trong đó VQG Kon Ka Kinh là nơi có quần thể loài Chà vá chân xám lớn nhất Việt Nam với khoảng 250 cá thể.

Thực hiện Đề tài độc lập cấp nhà nước “Điều tra đánh giá các loài động vật, thực vật có nguy cơ tuyệt chủng cần ưu tiên bảo vệ nhằm tu chỉnh Sách Đỏ Việt Nam”, chúng tôi đã tiến hành khảo sát điều tra hiện trạng các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng cần ưu tiên bảo vệ tại VQG Kon Ka Kinh.

### I. PHƯƠNG PHÁP VÀ TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU

Sử dụng các phương pháp chính sau: 1) Phương pháp điều tra tổng hợp; 2) Phương pháp thống kê; 3) Phương pháp chuyên gia; 4) Các phương pháp điều tra thú, chim, bò sát, ếch nhái và côn trùng.

Các loài quý hiếm được đánh giá trên cơ sở các tài liệu: Mức độ đe dọa toàn cầu ghi trong Danh lục Đỏ IUCN (2011) gồm các bậc: CR: Cực kỳ nguy cấp, EN: Đang nguy cấp, VU: Sẽ nguy cấp, LR/nt: Loài bị suy giảm, DD: Thiếu dữ liệu. Mức độ đe dọa quốc gia ghi trong SĐVN 2007 gồm các bậc: CR: Cực kỳ nguy cấp, EN: Đang nguy cấp, VU Sẽ nguy cấp.

### II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 1. Thành phần loài thú, chim, bò sát, ếch nhái và côn trùng ở VQG Kon Ka Kinh

*Bảng 1*

**Cấu trúc thành phần loài thú, chim, bò sát, ếch nhái và côn trùng VQG Kon Ka Kinh**

Lớp động vật	Số bộ	Số họ	Số loài
Thú	10	27	79
Chim	17	55	235
Bò sát	2	12	43
Ếch nhái	1	6	39
Côn trùng	14	120	1531
<b>Tổng</b>	<b>44</b>	<b>328</b>	<b>1927</b>

Kết quả nghiên cứu điều tra của chúng tôi và tổng hợp các tài liệu nghiên cứu trước đây đã ghi nhận khu hệ động vật (thú, chim, bò sát, ếch nhái và côn trùng) ở VQG Kon Ka Kinh có 1927 loài thuộc 328 họ, 44 bộ. Trong đó có 79 loài thú thuộc 27 họ, 10 bộ; 235 loài chim thuộc 55 họ, 17 bộ; 43 loài bò sát thuộc 12 họ, 2 bộ; 39 loài ếch nhái thuộc 6 họ, 1 bộ và 1531 loài côn trùng thuộc 120 họ, 14 bộ.

**2. Hiện trạng các loài thú, chim, bò sát, ếch nhái và côn trùng có nguy cơ tuyệt chủng cần ưu tiên bảo vệ ở VQG Kon Ka Kinh**

Trong số 1927 loài động vật (thú, chim, bò sát, ếch nhái và côn trùng) đã ghi nhận trong VQG Kon Ka Kinh, chúng tôi đã xác định 78 loài có nguy cơ tuyệt chủng cần ưu tiên bảo vệ (chiếm 4,1% tổng số loài động vật của khu vực). Trong đó có 36 loài thú, 18 loài chim, 16 loài bò sát, 4 loài ếch nhái và 4 loài côn trùng (bảng 2).

Bảng 2

**Danh sách các loài thú, chim, bò sát, ếch nhái và côn trùng có nguy cơ tuyệt chủng cần ưu tiên bảo vệ ở VQG Kon Ka Kinh**

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	SĐVN 2007	IUCN 2011
1	Chồn dơi	<i>Galeopterus variegatus</i>	EN	
2	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis</i>	VU	VU
3	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>	VU	VU
4	Khỉ mặt đỏ	<i>Macaca arctoides</i>	VU	VU
5	Khỉ đuôi dài	<i>Macaca fascicularis</i>	LR	
6	Khỉ đuôi lợn	<i>Macaca leonina</i>	VU	VU
7	Khỉ vàng	<i>Macaca mulatta</i>	LR	
8	Chà vá chân xám	<i>Pygathrix cinerea</i>	CR	CR
9	Chà vá chân đen	<i>Pygathrix nigripes</i>	EN	EN
10	Vượn đen má vàng	<i>Nomascus gabriellae</i>	EN	EN
11	Chuột chũi răng nhỏ	<i>Euroscaptor parvidens</i>		DD
12	Tê tê ja va	<i>Manis javanica</i>	EN	EN
13	Báo lửa	<i>Catopuma temminckii</i>	EN	
14	Mèo cá	<i>Prionailurus viverinus</i>	EN	EN
15	Báo gấm	<i>Neofelis nebulosa</i>	EN	VU
16	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i>	CR	NT
17	Cầy mực	<i>Arctictis binturong</i>	EN	VU
18	Cầy vằn bắc	<i>Chrotogale owstoni</i>		VU
19	Cầy gấm	<i>Prionodon pardicolor</i>	VU	
20	Cầy giông sọc	<i>Viverra megaspila</i>	VU	VU
21	Cầy giông	<i>Viverra zibetha</i>		NT

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	SĐVN 2007	IUCN 2011
22	Sói đỏ	<i>Cuon alpinus</i>	EN	EN
23	Gấu chó	<i>Helarctos malayanus</i>	EN	VU
24	Gấu ngựa	<i>Ursus thibetanus</i>	EN	VU
25	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i>	VU	NT
26	Cheo cheo nam dương	<i>Tragulus kanchil</i>	VU	
27	Mang trường sơn	<i>Muntiacus truongsonensis</i>	DD	DD
28	Mang lớn	<i>Muntiacus vuquangensis</i>	VU	EN
29	Nai	<i>Rusa unicolor</i>	VU	VU
30	Bò tót	<i>Bos frontalis</i>	EN	VU
31	Bò rừng	<i>Bos javanicus</i>	EN	EN
32	Sơn dương	<i>Capricornis sumatraensis</i>	EN	NT
33	Sóc đen	<i>Ratufa bicolor</i>	VU	NT
34	Sóc bay đen trắng	<i>Hylopetes alboniger</i>	VU	
35	Sóc bay trâu	<i>Petaurista philippensis</i>	VU	
36	Sóc đỏ	<i>Callosciurus finlaysonii</i>	LR	
37	Hạc cổ trắng	<i>Ciconia episcopus</i>	VU	
38	Gà lôi vằn	<i>Lophura nycthemera</i>		NT
39	Gà lôi hồng tía	<i>Lophura diardi</i>	NT	NT
40	Gà tiền mặt đỏ	<i>Polyplectron germaini</i>	VU	VU
41	Trĩ sao	<i>Rheinartia ocellata</i>	VU	VU
42	Công	<i>Pavo muticus</i>	EN	VU
43	Dù di nê pan	<i>Bubo nipalensis</i>	CR	
44	Bói cá lớn	<i>Magaceryle lugubris</i>	VU	
45	Bồng chanh rừng	<i>Alcedo hercules</i>		NT
46	Niệc mỏ vằn	<i>Aceros undulatus</i>	VU	
47	Niệc nâu	<i>Anorrhinus tickelli</i>	VU	NT
48	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>	VU	NT
49	Gỗ kiến xanh cổ đỏ	<i>Picus rabieri</i>		NT
50	Đuôi cụt bụng đỏ	<i>Pitta nympha</i>	VU	VU
51	Khướu kon ka kinh	<i>Garrulax konkakinhensis</i>		VU
52	Khướu đầu đen	<i>Garrulax milleti</i>	LR	NT
53	Khướu đầu đen má xám	<i>Garrulax yersini</i>	EN	EN
54	Khướu mỏ dài	<i>Jabouilleia danjoui</i>	LR	NT

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	SĐVN 2007	IUCN 2011
55	Tắc kè	<i>Gekko gecko</i>	VU	
56	Rồng đất	<i>Physignathus cocincinus</i>	VU	
57	Kỳ đà vân	<i>Varanus nebulosus</i>	EN	
58	Kỳ đà hoa	<i>Varanus salvator</i>	EN	
59	Trăn đất	<i>Python molurus</i>	CR	LR/nt
60	Trăn gấm	<i>Python reticulatus</i>	CR	
61	Rắn sọc dưa	<i>Coelognathus radiatus</i>	VU	
62	Rắn ráo thường	<i>Ptyas korros</i>	EN	
63	Rắn cạp nong	<i>Bungarus fasciatus</i>	EN	
64	Rắn hổ mang	<i>Naja naja</i>	EN	
65	Rắn hổ mang chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>	EN	VU
66	Rùa đầu to	<i>Platysternon megacephalum</i>	EN	EN
67	Rùa hộp lưng đen	<i>Cuora amboinensis</i>	VU	
68	Rùa đất lớn	<i>Heosemys grandis</i>	VU	
69	Rùa núi vàng	<i>Indotestudo elongata</i>	EN	
70	Rùa núi viền	<i>Manouria impressa</i>	VU	VU
71	Cóc rừng	<i>Ingerophrynus galeatus</i>	VU	
72	Chàng andecson	<i>Rana andersoni</i>	VU	
73	Ếch cây phê	<i>Rhacophorus feae</i>	EN	
74	Ếch cây kio	<i>Rhacophorus kio</i>	EN	
75	Cặp kim sừng cong	<i>Dorcus curvidens</i>	CR	
76	Cặp kim sừng đao	<i>Dorcus titanus</i>	EN	
77	Bọ hung ba sừng	<i>Chalcosoma atlas</i>	CR	
78	Bướm phượng cánh chim chấm rời	<i>Troides aeacus aeacus</i>	VU	

Bảng 2 cho thấy VQG Kon Ka Kinh được thiên nhiên ưu đãi về sự phong phú nguồn tài nguyên động vật hoang dã, đặc biệt có các loài thú như: Bò tót *Bos gaurus*, Bò rừng *Bos banten*, Mang lớn *Megamuntiacus vuquangensis* cùng nhiều loài thú linh trưởng quý hiếm, đặc hữu ở Đông Dương như: Voọc chà vá chân đen *Pygathrix nigripes*, Voọc chà vá chân xám *Pygathrix cinerea*, Vượn má vàng *Nomascus gabriellae*...

Tuy nhiên, hiện trạng của các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng cần ưu tiên bảo vệ rất đáng lo ngại. Trong số 78 loài có 28 loài (35,9%) ở mức gần tuyệt chủng, 22 loài (28,2%) ở mức rất hiếm, 18 loài (23,1%) ở mức hiếm, chỉ có 12 loài ở mức phổ biến, chiếm 15,4% số loài có nguy cơ tuyệt chủng cần ưu tiên bảo vệ trong khu vực nghiên cứu. Có thể nhận thấy độ phong phú dưới mức phổ biến của các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng cần ưu tiên bảo vệ trong khu vực VQG Kon Ka Kinh đã lên đến 85%, trong đó có 35,9% loài đã ở mức gần tuyệt

chúng. Điều này nói lên sự suy giảm của các loài động vật quý hiếm trong khu vực VQG Kon Ka Kinh trong những năm gần đây rất đáng báo động.

### 3. Một số yếu tố tác động đến sinh cảnh sống của động vật ở VQG Kon Ka Kinh

Hiện tượng bẫy bắt động vật hoang dã vẫn lén lút xảy ra tại khu vực nghiên cứu. Trong suốt thời gian khảo sát, ghi nhận được một số loài động vật hoang dã bị tịch thu bởi lực lượng kiểm lâm của VQG, trong đó có những loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng được ưu tiên bảo vệ. Bên cạnh đó, hiện tại trong VQG đang xảy ra hiện tượng xung đột giữa các loài thú lớn với sự phát triển kinh tế xã hội người dân địa phương. Việc vài cá thể voi đã bị chết trong khu bảo tồn là một điều đáng báo động cho việc xung đột lên đến đỉnh điểm của động vật hoang dã cỡ lớn này với cộng đồng cư dân địa phương và cần sự can thiệp của các cấp chính quyền địa phương.

### III. KẾT LUẬN

Đã ghi nhận được 1927 loài động vật (thú, chim, bò sát, ếch nhái và côn trùng) ở VQG Kon Ka Kinh. Trong số 78 loài có nguy cơ tuyệt chủng cần ưu tiên bảo vệ, có 28 loài (35,9%) ở mức gần tuyệt chủng, 22 loài (28,2%) ở mức rất hiếm, 18 loài (23,1%) ở mức hiếm, chỉ có 12 loài ở mức phổ biến, chiếm 15,4% số loài có nguy cơ tuyệt chủng cần ưu tiên bảo vệ trong khu vực nghiên cứu. Chúng ta có thể nhận thấy, độ phong phú dưới mức phổ biến của các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng cần ưu tiên bảo vệ trong khu vực VQG Kon Ka Kinh đã lên đến 85%, trong đó có 35,9% loài đã ở mức gần tuyệt chủng. Điều này nói lên sự suy giảm của các loài động vật quý hiếm trong khu vực VQG Kon Ka Kinh trong những năm gần đây rất đáng báo động.

Tình trạng săn bắn, bẫy bắt động vật vẫn đang là mối lo ngại cho công tác quản lý của VQG, đặc biệt là vấn đề xung đột giữa các loài thú lớn và sự phát triển kinh tế xã hội của cộng đồng cư dân địa phương.

*Lời cảm ơn:* Các tác giả bài báo xin chân thành cảm ơn đề tài: “Điều tra đánh giá các loài động vật, thực vật có nguy cơ tuyệt chủng cần ưu tiên bảo vệ nhằm tu chỉnh Sách Đỏ Việt Nam” mã số ĐTDL.2011-G/23.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Cũ, Lê Trọng Trãi, Karen Phillipps, 2000. Chim Việt Nam. NXB. LĐ-XH, Hà Nội.
2. Đặng Huy Huỳnh và cs., 1994. Danh lục các loài thú (Mammalia) Việt Nam. NXB. KHKT, Hà Nội, 168 trang.
3. Đào Huy Giáp, Nia Cherret, Hoàng Thị Ngọc Hà, 2007. “Báo cáo kết quả tham vấn nghiên cứu đa dạng sinh học VQG Kon Ka Kinh”. Tài liệu chưa công bố.
4. Nguyễn Thị Thu Hương, 2005. Giống *Prodoretus* và giống *Fruhstorferia* (Scarabaeidae) ở Việt Nam. Báo cáo Khoa học Hội nghị Côn trùng học toàn quốc lần thứ 5. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, 78-81.
5. Hà Thăng Long, 2008. Báo cáo tổng kết Chương trình nghiên cứu sinh thái, tập tính và bảo tồn loài Chà vá chân xám *Pygathrix cinerea* tại VQG Kon Ka Kinh, tỉnh Gia Lai.
6. Nguyễn Văn Sáng và cs., 2005. Danh lục bò sát ếch nhái của Việt Nam. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
7. Phân viện Điều tra Quy hoạch Rừng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, 2003. Dự án xây dựng VQG Kon Ka Kinh tỉnh Gia Lai giai đoạn 2004-2010. Viện Điều tra quy hoạch rừng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
8. Tordoff và cs., 2002. Sách hướng dẫn các vùng chim quan trọng ở Việt Nam-Các khu vực bảo tồn trọng yếu. Chương trình Birdlife Quốc tế tại Đông Dương và Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Hà Nội.

**THE STATUS OF PRECIOUS AND CONSERVATIONAL PRIORITY ANIMAL SPECIES  
IN KON KA KINH NATIONAL PARK, GIA LAI**

**DANG HUY PHUONG, LE XUAN CANH, HOANG VU TRU**

**SUMMARY**

Kon Ka Kinh National Park (NP) covers an area of 41780ha, located in Northeast of Gia Lai province, including five communities: Dak Roong 5, Kon Phe, Kroong (KBang district), AJun (Mang Yang district) and Ha Dong (Dak Doa district).

Implement state-level independent project “Investigation and Evaluation of animals and plants at risk of extinction should give priority to protecting amended Vietnam Red Data Book”, we carried out the surveys on the status of precious and protection priority in Kon Ka Kinh NP.

A total of 1927 animals species (mammals, birds, reptiles, amphibians and insects) were recorded in Kon Ka Kinh NP. Among them, 78 species are endangered species and needed protection priorities. The current state of animal extinction risk priority protection is particularly worried. Of the 78 species, about 28 species (35.9%) is nearly extinct, 22 species (28.2%) very rare, 18 species (23.1%) in the rare, only 12 species prevalence, 15.4% of endangered species need protection in priority research areas. We can see below the abundance of common species at risk of extinction in the priority should be to protect Kon Ka Kinh NP has risen to 85.0%, including 35.9% species was nearly extinct. This speaks to the decline of the endangered animals in Kon Ka Kinh NP is alarming in recent years.

The hunting and trapping status is still a concern for the management of the NP, especially the issue of conflict between the big animals and the socio-economic development of local communities.